VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK giảm điểm sau khi Tổng cục Hải Quan công bố số liệu kim ngạch xuất khẩu nửa đầu tháng 11 của Việt Nam chỉ đạt 14.61 tỷ USD, giảm gần 7% so với nửa cuối tháng 10

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]
HBC, PAN

[Cập nhật công ty]
POW

[Quan điểm đầu tư]
NĐT được khuyến nghị tránh bán tháo giá thấp nhưng cần hạ dần tỷ trọng trong các nhịp hồi phục kế tiếp.

19/11/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,452.35	-1.19
VN30	1,500.05	-0.22
HĐTL VN30F1M	1,502.50	-0.06
HNXIndex	453.97	-3.15
HNX30	748.46	-2.08
UPCoM	113.24	-0.25
USD/VND	22,650	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.07	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.62	+7
Dầu (WTI, $)	79.47	+0.58
Vàng (LME, $)	1,853.24	-0.31

Điểm nhấn thị trường

VNIndex	**1,452.35 (-1.19%)**
KLGD (triệu CP)	**1,518.4 (+49.4%)**
GTGD (triệu U$)	**1,978.0 (+28.3%)**
HNXIndex	**453.97 (-3.15%)**
KLGD (triệu CP)	**253.9 (+41.6%)**
GTGD (triệu U$)	**281.7 (+46.3%)**
UPCoM	**113.24 (-0.25%)**
KLGD (triệu CP)	**324.9 (+114.0%)**
GTGD (triệu U$)	**211.9 (+54.6%)**
NĐTNN mua ròng (triệu U$)	**-34.4**

TTCK giảm điểm sau khi Tổng cục Hải Quan công bố số liệu kim ngạch xuất khẩu nửa đầu tháng 11 của Việt Nam chỉ đạt 14.61 tỷ USD, giảm gần 7% so với nửa cuối tháng 10. Cục Thực phẩm và Dự trữ Chiến lược Quốc gia Trung Quốc (NFSRA) cho biết họ đang chuẩn bị để giải phóng dầu thô dự trữ chiến lược, khiến giá dầu thế giới tiếp tục giảm, cổ phiếu dầu khí giảm ở PVD (-6.9%), PVS (-5.4%). Chi cục Chăn nuôi và Thú y cho biết dịch tả heo Châu Phi bùng phát mạnh trở lại tại tỉnh khiến giá thịt lợn giảm, cổ phiếu ngành lợn giảm ở DBC (-4.1%), MML (-5%). Cục Xuất nhập khẩu cho biết giá cao su giảm do tình trạng thiếu hụt nguyên liệu thô và tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc chậm lại, giá cổ phiếu cao su giảm ở PHR (-4.4%), DPR (-5%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (-3.9%), VPB (+2.3%), VNM (-2.2%).

VNIndex & HNXIndex

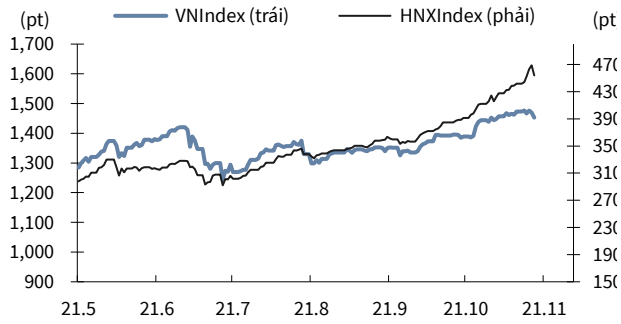

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

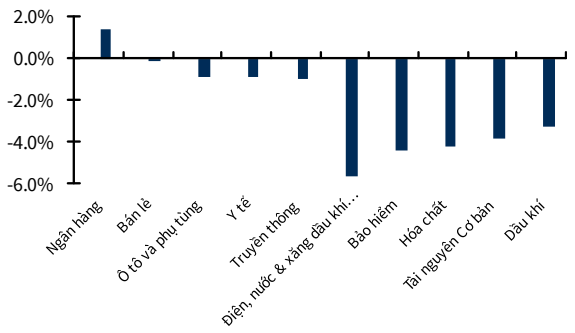

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

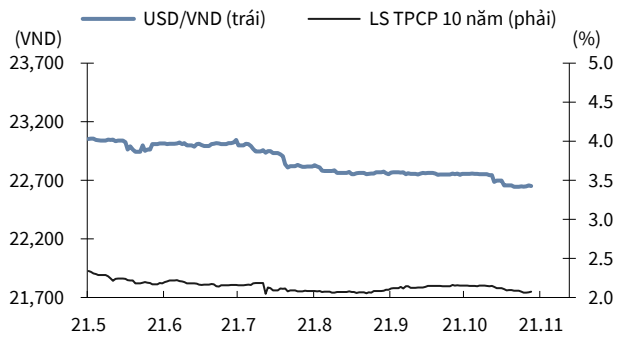

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	**1,500.05 (-0.22%)**
VN30F1M	**1,502.5 (-0.06%)**
Mở cửa	**1,505.8**
Cao nhất	**1,523.2**
Thấp nhất	**1,488.0**
KLGD (HĐ)	**158,791 (+36.8%)**

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2112 và thị trường cơ sở mở cửa ở mức -0.68 điểm, sau đó biến động giằng co trong suốt phiên giao dịch trong khoản -7.41 và 3.59 điểm, và đóng cửa ở mức -2.45 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

HĐTL VN30F1M & VN30

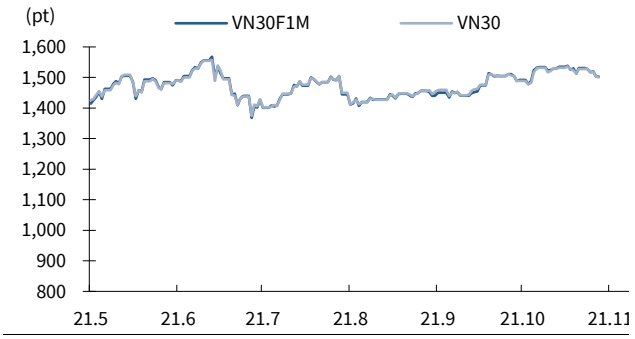

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

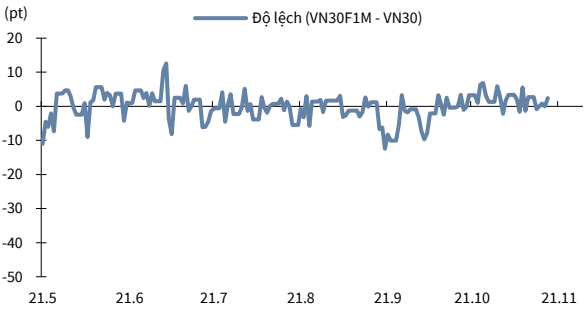

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

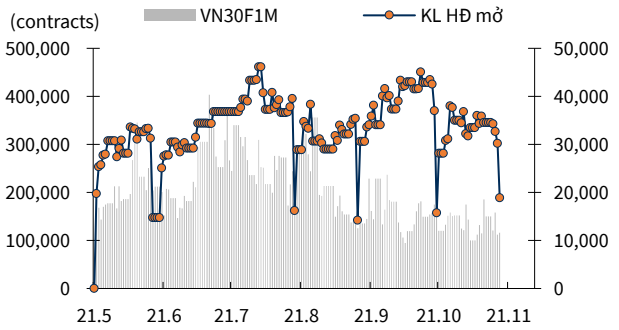

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

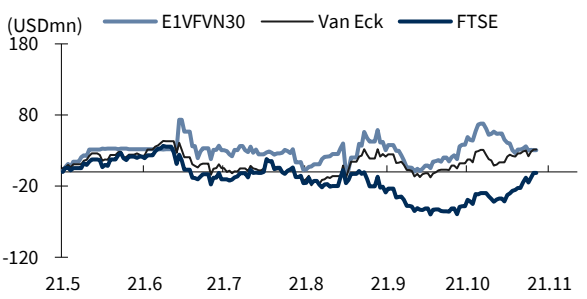

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC)

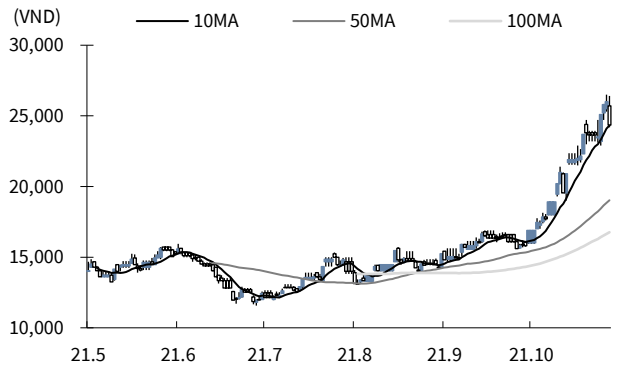

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HBC giảm 6.4% xuống 24,350 VND/cp

- Tập đoàn Xây dựng Hoà Bình thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ hơn 5.74 triệu cổ phần, tương đương 42.53% tại công ty liên kết – CTCP Chứng khoán Sen Vàng với giá chuyển nhượng không thấp hơn 6,000 đồng/cp, ước tính số tiền sẽ thu về tối thiểu 34.4 tỷ đồng. Thời gian chuyển nhượng trong vòng 3 tháng kể từ khi thông qua Nghị quyết này.

CTCP Tập đoàn Pan (PAN)

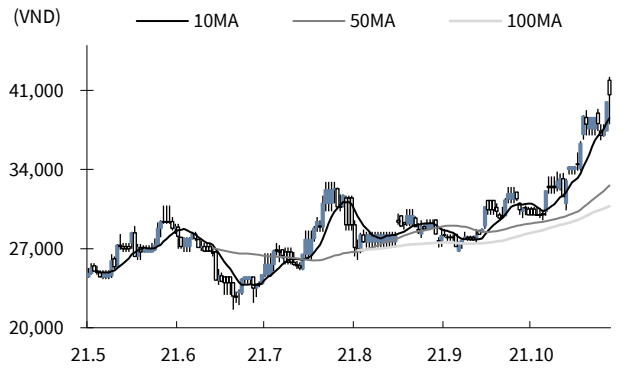

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PAN tăng 1.5% lên 40,600 VND/cp

- Tập đoàn PAN thông báo triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và ngày đăng ký cuối cùng là 1/12. Cụ thể, tập đoàn sẽ phát hành tối đa 235.8 triệu cổ phiếu tăng vốn từ 2,164 tỷ đồng lên 4,522 tỷ đồng, dự kiến phát hành 40% cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, 50% chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá 15,000 đồng/cp và 10% còn lại chào bán riêng lẻ.

COMPANY REPORT

KB Securities VIETNAM

TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (POW)

Triển vọng dài hạn tích cực

18/11/2021

Chuyên viên phân tích
Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Doanh thu thuần, lợi nhuận 3Q2021 của PVPower

Doanh thu và lợi nhuận công ty mẹ 3Q2021 của PVPower đạt lần lượt là 5,342 tỷ đồng (-12.6% YoY) và 483 tỷ đồng tăng gấp 4.5 lần cùng kỳ do POW đã bám sát kế hoạch sản lượng Qc được giao với giá bán trung bình cao hơn đủ bù đắp chi phí cũng như đem lại lợi nhuận cho POW, bên cạnh đó chi phí lãi vay và chi phí quản lí doanh nghiệp giảm đáng kể so với cùng kỳ góp. Sản lượng sản xuất trong 3Q2021 đạt 2.7 tỷ kWh (-35.7% YoY) do tác động của làn sóng covid lần thứ 4 cũng như nhà máy điện Vũng Áng 1 tiến hành đại tu.

Triển vọng 2022 khi sản lượng dần hồi phục trở lại

Chúng tôi kỳ vọng các biện pháp giãn cách được nới lỏng ở các tỉnh thành phía Nam, cũng như các khu vực công nghiệp hồi phục sản xuất dẫn tới nhu cầu sử phụ tải tăng trở lại. Bên cạnh đó, việc đại tu và trung tu cũng được hoàn thành trong năm 2021 do vậy chúng tôi ước tính sản lượng điện của POW năm 2022 tăng trưởng 14% so với cùng kỳ đạt 22.2 tỷ kWh.

Dự án nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3&4 là động lực tăng trưởng dài hạn

Dự án nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3&4 đang được PVPower tích cực triển khai với việc mở gói thầu EPC ngày 23/8/2021, ban quản lý dự án và các bộ phận liên quan đang đàm phán với nhà thầu để sớm hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu. Khi các hạng mục được hoàn tất và nhà máy đi vào hoạt động 2024 sẽ nâng tổng công suất phát điện của POW lên 5,705 MW, tăng 36%.

Khuyến nghị NẮM GIỮ với giá mục tiêu 15,800 VNĐ/CP

Kì vọng nhu cầu phụ tải tăng trở khi các biện pháp giãn cách được nới lỏng, các nhà máy của POW đi vào hoạt động ổn định sau khi tu bổ. Chúng tôi khuyến nghị NẮM GIỮ đối với cổ phiếu POW với giá mục tiêu 15,800 VNĐ/CP, upside 7.8 %.

NẮM GIỮ

Giá mục tiêu	VNĐ 15,800
Tăng/giảm	7,8%
Giá hiện tại (Nov 18)	VNĐ 14,650
Giá mục tiêu đồng thuận	VNĐ 16,000
Vốn hóa(nghìn tỉ VNĐ/tỉ USD)	33.1/1.4

Dữ liệu giao dịch

Tỉ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VNĐ/triệu USD)	198/8.3
Sở hữu nước ngoài (%)	2.99%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	21	23	25	47
Tương đối	15	11	14	-4

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh số thuần (tỷ VND)	35,374	29,731	29,931	34,079
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	3,116	2,855	3,199	3,799
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ (tỷ VNĐ)	2,509	2,365	2,563	3,058
EPS (VND)	1071	1009	1094	1305
Tăng trưởng EPS (%)	30%	-5.7%	8.4%	19.2%
P/E (x)	12.74	13.52	12.47	10.45
P/B (x)	10.83	10.22	9.51	8.77
ROE (%)	8.5%	7.6%	7.6%	8.4%
Tỷ suất cổ tức (%)	3%	2%	2%	2%

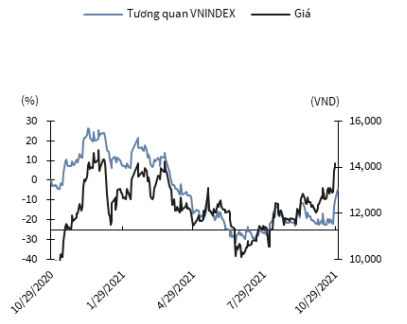

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chuyên viên chiến lược đầu tư
Thái Hữu Công
congth@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— Sau nỗ lực phục hồi bất thành vào đầu phiên, VNIndex đảo chiều giảm điểm và rơi vào nhịp lao dốc khá mạnh trước khi phục hồi một phần vào cuối phiên.

— Tuy đã lấy lại một phần điểm số về cuối phiên nhưng diễn biến của nhịp lao dốc mạnh trong phiên đi kèm mức thanh khoản tăng cao kỷ lục vẫn cho thấy một phiên phân phối lớn. Việc chỉ số sụt giảm phá vỡ cạnh dưới của mẫu hình nêm hướng lên có thể được xem là nguyên nhân kích hoạt đợt bán tháo này. Mặc dù vậy, mẫu hình nêm hiện tại mới chỉ mang tính ngắn hạn và VNIndex vẫn có cơ hội xuất hiện nhịp hồi phục trở lại trước khi tiếp tục chịu rủi ro đảo chiều gối đầu sau đó.

— NĐT được khuyến nghị tránh bán tháo giá thấp nhưng cần hạ dần tỷ trọng trong các nhịp hồi phục kế tiếp.

Chỉ số VN30

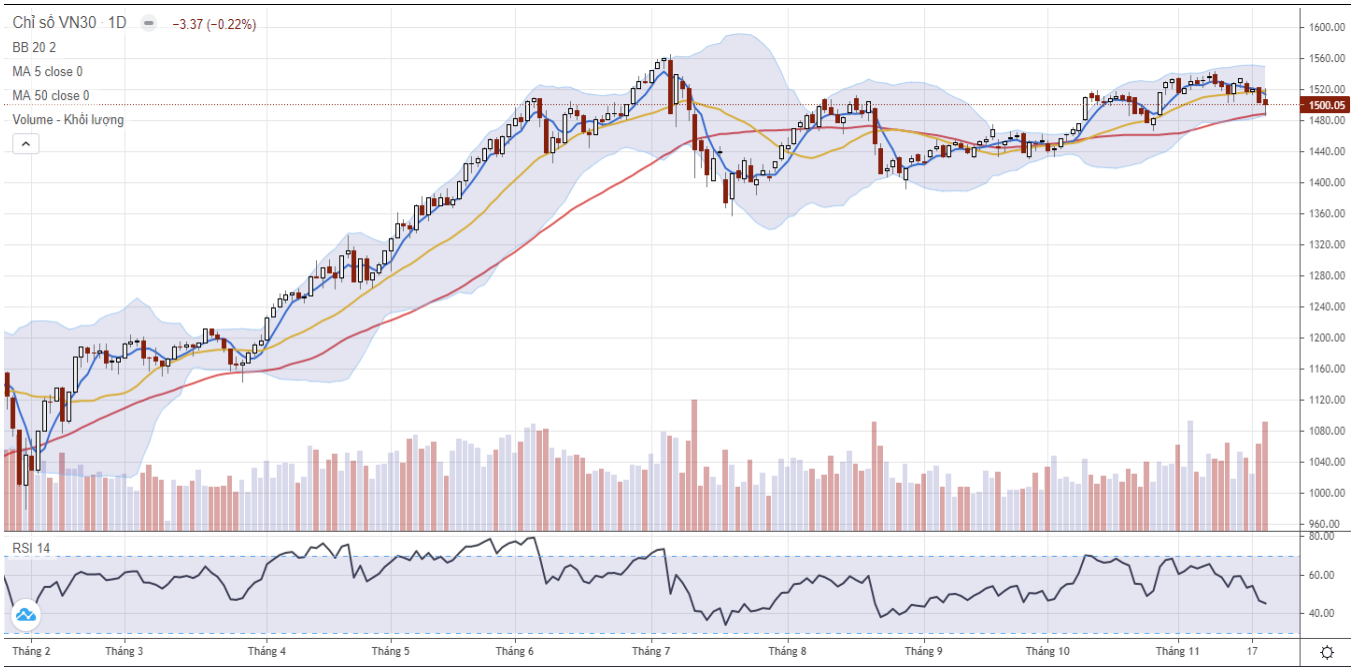

Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên	
Kháng cự xa:	1521 - 1525
Kháng cự gần:	1511 - 1514
Hỗ trợ gần:	1492 - 1495
Hỗ trợ xa:	1484 - 1488

— Sau nỗ lực vượt vùng cản gần bất thành, F1 đảo chiều giảm điểm với biên độ mở rộng trước khi phục hồi một phần vào cuối phiên.

— Vùng hỗ trợ xa quanh 1490 đã cho phản ứng và góp phần làm giảm đà rơi của chỉ số. Chúng tôi cho rằng cơ hội mở rộng thêm nhịp hồi phục vẫn hiện hữu chừng nào F1 bảo vệ được vùng hỗ trợ đã đề cập.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đóng vị thế Long nếu chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ xa và đứng ngoài quan sát thêm.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.22%	-3.39%
Tăng lũy kế (YTD)	40.09%	66.26%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

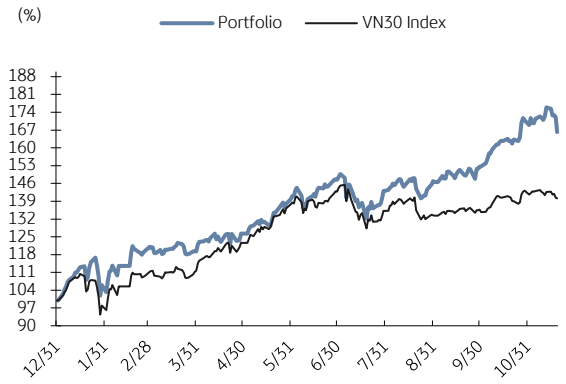

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/11/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	139,000	0.0%	74.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	62,100	-5.9%	171.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	102,300	-3.7%	37.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	193,500	-3.7%	0.0%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	67,100	-4.1%	108.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	95,300	-1.2%	230.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,800	2.0%	67.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	106,000	-6.9%	61.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	48,000	-3.9%	273.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	50,000	-6.5%	286.9%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CTG	2.0%	24.8%	104.2
VRE	-1.9%	29.3%	74.5
GAS	-6.9%	2.7%	59.6
DGW	3.8%	25.5%	57.2
CTG	2.0%	24.8%	104.2
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
HPG	-3.9%	24.9%	-283.3
VPB	2.3%	15.3%	-176.8
VNM	-2.2%	54.6%	-107.3
HSG	-6.0%	10.1%	-61.7
HDB	6.9%	17.7%	-58.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVI	-4.2%	56.3%	4.9
THD	-9.4%	1.6%	3.3
APS	-4.0%	1.6%	1.5
SHS	-3.9%	8.0%	1.5
BAX	-0.1%	13.4%	1.1
Ticker	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
CEO	9.4%	16.9%	-12.5
HUT	1.3%	2.0%	-4.7
PVS	5.4%	7.6%	-2.4
INN	-0.8%	5.5%	-0.9
IVS	-2.7%	72.4%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	9.4%	TCH, CSM
Dịch vụ tài chính	6.3%	SSI, VND
Bán lẻ	3.3%	DGW, MWG
Xây dựng và Vật Liệu	3.0%	VGC, VCG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.8%	GEX, LGC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Tài nguyên Cơ bản	-11.3%	HPG, HSG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-6.9%	GAS, GEG
Hóa chất	-5.6%	GVR, DPM
Du lịch và Giải trí	-3.0%	HVN, VJC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.7%	PNJ, GIL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	34.3%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	26.6%	VGC, VCG
Dịch vụ tài chính	22.4%	VND, SSI
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.9%	GEX, TMS
Bán lẻ	9.3%	YEG, PNC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Tài nguyên Cơ bản	-14.7%	HPG, HSG
Du lịch và Giải trí	-5.7%	HVN, VJC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.5%	GAS, PGD
Công nghệ thông tin	0.2%	FPT, ELC
Bảo hiểm	1.8%	BVH, BIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	208,743 (9.2)	22.5	78.8	60.5	14.7	4.3	5.7	3.9	3.7	0.3	0.3	2.6	-1.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	602,506 (26.5)	26.6	10.3	8.9	35.9	33.2	28.1	3.0	2.3	-2.8	-1.8	1.4	16.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	250,818 (11.0)	17.8	36.2	21.2	-7.6	6.6	10.1	2.3	2.2	-1.9	1.3	0.7	-2.9
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	334,563 (14.7)	31.3	35.3	20.7	6.7	18.0	16.3	4.2	3.5	-0.5	-3.6	-0.4	112.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	168,668 (7.4)	11.6	26.6	19.4	18.0	13.1	14.7	3.1	2.6	-3.6	-7.3	3.0	72.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	320,117 (14.1)	13.9	16.3	9.6	-	14.8	21.1	2.2	1.8	-2.7	-1.7	24.1	91.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	98,221 (4.3)	6.3	17.4	14.1	11.7	20.2	20.6	3.1	2.6	0.1	-1.1	0.7	-0.8
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	96,078 (4.2)	12.7	19.8	15.1	-5.3	13.2	16.0	2.1	1.9	-0.2	2.8	10.9	-7.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	975,446 (43.0)	0.0	10.7	9.0	14.3	20.8	20.2	2.0	1.6	1.6	-0.4	-0.8	66.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	377,025 (16.6)	1.4	10.2	8.4	61.1	18.4	19.9	1.5	1.3	2.0	0.3	8.3	22.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	332,810 (14.7)	0.0	12.6	10.7	18.8	18.5	16.6	2.1	1.7	2.3	-1.5	-6.0	100.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	319,299 (14.1)	0.0	8.9	7.4	14.6	22.0	22.3	1.6	1.4	0.0	-0.9	0.4	67.6
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	151,348 (6.7)	4.2	10.8	9.4	23.3	22.1	21.1	2.0	1.7	6.9	7.9	18.7	58.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	436,648 (19.2)	14.0	17.0	12.7	26.5	10.5	12.1	1.5	1.4	0.9	-0.7	6.5	65.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	132,317 (5.8)	0.0	10.3	8.7	37.5	22.2	20.0	2.0	1.6	1.3	0.0	-0.9	62.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	16,312 (0.7)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	3.7	-1.4	17.3	44.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	104,436 (4.6)	21.0	26.0	24.8	15.8	8.6	8.6	2.1	2.0	-4.8	-2.7	-0.5	-7.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	53,897 (2.4)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-3.5	3.6	12.8	81.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	833,840 (36.7)	55.4	24.8	22.2	-3.2	17.3	17.7	-	-	-1.1	8.7	18.6	121.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	399,376 (17.6)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-3.3	2.8	14.0	154.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	199,683 (8.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-3.1	5.3	19.6	94.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	552,125 (24.3)	27.2	16.4	27.8	36.3	-	-	5.5	5.0	-3.4	7.3	39.9	299.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	325,223 (14.3)	42.1	18.1	16.9	4.0	32.8	34.0	5.5	5.3	-2.2	-3.6	-4.7	-20.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	19,660 (0.9)	36.9	26.3	21.6	7.3	20.3	22.5	4.9	4.3	-0.7	-2.8	5.4	-14.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	191,431 (8.4)	16.5	50.2	28.4	-51.9	18.1	22.4	8.8	6.8	-0.4	-1.5	4.5	65.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	88,409 (3.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.8	-2.1	21.5	-38.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	110,713 (4.9)	11.0	-	35.8	-88.5	0.4	16.2	-	-	1.0	-0.6	-5.5	2.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	223,633 (9.9)	10.8	28.8	20.1	-57.0	9.3	12.5	2.5	2.3	-6.8	-5.7	-3.5	52.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	212,338 (9.4)	38.4	55.1	17.4	65.7	3.1	8.4	1.7	1.6	-5.0	-0.2	54.7	38.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	123,920 (5.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-1.9	8.7	32.5	187.0
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	532,407 (23.5)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	3.9	25.9	112.5	184.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	41,097 (1.8)	3.6	36.6	17.8	-52.4	1.8	3.7	0.6	0.6	-4.0	-2.3	5.6	-7.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	45,303 (2.0)	0.0	11.7	9.7	-4.5	13.2	14.2	1.4	1.3	-4.1	-8.1	-10.3	37.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	212,278 (9.3)	46.1	21.9	17.8	-17.5	18.7	21.4	4.0	3.7	-6.9	-10.2	-7.4	22.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	30,961 (1.4)	31.4	12.5	10.4	-10.5	11.6	17.1	1.5	1.5	-5.6	-5.8	0.7	-8.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,453 (0.3)	34.1	15.0	12.7	-5.1	9.5	11.3	-	-	-2.8	-3.4	-1.5	-7.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,774,477 (78.2)	18.0	6.4	6.5	21.9	42.5	30.0	2.2	1.7	-3.9	-12.1	-16.1	56.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	335,799 (14.8)	36.5	11.1	14.1	-0.5	20.3	14.3	2.0	1.9	-5.3	-12.5	3.8	144.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	286,853 (12.6)	46.5	19.1	18.5	-4.5	18.2	16.8	2.8	2.5	-1.6	-5.8	10.5	156.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	462,958 (20.4)	38.9	5.7	6.1	67.9	25.7	18.9	1.3	1.1	-6.0	-16.1	-23.9	86.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	152,192 (6.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-5.9	-4.4	8.7	33.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	147,960 (6.5)	4.6	20.2	17.7	-51.0	16.3	17.3	3.1	3.1	-2.6	-1.0	8.4	8.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	272,029 (12.0)	39.9	518.1	28.1	-11.9	0.0	3.4	0.9	0.8	-6.9	-7.2	10.9	75.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	133,914 (5.9)	35.9	11.5	10.1	1.2	14.6	14.9	1.5	1.4	-2.0	-4.3	0.0	75.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	192,454 (8.5)	0.0	20.6	15.7	13.7	24.6	27.8	4.6	3.9	0.0	2.2	7.2	75.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	75,597 (3.3)	0.0	23.1	17.2	2.4	18.9	23.2	4.1	3.5	-3.7	-6.9	4.4	26.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,964 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-4.2	0.5	18.8	-60.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	88,481 (3.9)	30.3	48.7	30.3	-75.2	8.0	12.1	3.8	3.5	-2.5	1.2	25.7	84.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	89,906 (4.0)	34.6	31.0	10.0	41.2	11.1	29.9	3.1	2.7	-4.4	6.5	36.6	17.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,130 (0.1)	45.4	17.7	16.7	10.7	19.9	20.3	3.4	3.1	-1.2	-1.8	2.5	-4.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	218 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-0.5	1.8	-2.4	5.2
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	210,066 (9.3)	0.0	21.0	17.6	15.5	24.1	25.2	4.5	4.0	-1.2	-2.8	-3.3	85.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.